

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2021.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Xuân Trường

+ Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phan Thị T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: thôn 2, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: thôn 2, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại đội 8, phân trại K2, trại giam Đại Bình.

(Chị T có mặt; anh D vắng mặt có ý kiến xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong bản tự khai nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị T và anh D được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2012. Chị T và anh

D chung sống hạnh phúc với nhau được hai năm thì anh D thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo để bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng anh D vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống gia đình vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên chị T và anh D đã sống ly T từ khoảng năm 2019 đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly T đã lâu nhưng tình cảm vẫn không thể cải thiện được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T xác định có hai con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/01/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị xác định không có và không yêu cầu gì. Về nợ chung, chị xác định không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị T kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi anh đi chấp hành án chị T không quan tâm, hỏi han, thăm nuôi gì anh và vợ chồng đã sống ly T từ năm 2019 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì anh không còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/01/2015, khi ly hôn anh D đồng ý giao cả hai con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đồng thời, anh D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/01/2015 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục anh D không phải cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh D cùng xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Văn D có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D theo thủ tục chung.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn D xây dựng gia đình với nhau năm 2012, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly T. Tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh D vắng mặt nhưng trong lời khai của mình thì anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn nhưng vợ chồng lại không cùng nhau xây dựng phát triển kinh tế gia đình nên thường hay xảy ra xung đột. Mặt khác, do cả đôi bên đều không nhẫn nhịn, không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nên mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hơn nữa, anh D phải đi chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng khó có điều kiện để cải thiện. Do đó, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị T, xử cho chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn D có 02 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/01/2015. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con và anh D cũng đồng ý giao cả hai con cho chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly T thì cả hai con chung được chị T chăm

sóc, nuôi dưỡng, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu Thảo đã trên 07 tuổi lại có nguyện vọng được ở với mẹ, khi bố mẹ không chung sống với nhau. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/01/2015 cho chị Phan Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh D xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị T, xử cho chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: giao con là Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/01/2015 cho chị Phan Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba

trăm nghìn đồng) chị Phan Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015086 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phan Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã G;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy

